

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 25-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nông Thị T.**

2. Bà **Trần Thị L.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng H** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Nhà văn hóa tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: NGUYỄN VĂN T - Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1993 tại huyện C, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1963 (đã chết); Con bà: Dương Thị P – Sinh năm: 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ, con: Không.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 03 tiền án.

Bản án số: 18/2013/HSST ngày 10-9-2013, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số: 30/2013/HSST ngày 11-12-2013, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 18/2013/HSST ngày 10-9-2013 của Tòa án nhân dân huyện A, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 22 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích.

Bản án số: 22/2017/HSST Ngày 08-6-2017, bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp có giá trị 1.800.000đ). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo T bị bắt ngày 04-01-2018 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Dương Thị P** – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt

- Ông **Nguyễn Quốc C** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Văn T1** – Sinh năm: 1960; Địa chỉ: Xóm 6, xã E, huyện G, tỉnh Tuyên Quang. Hôm nay vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị **Nông Thị L** – Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

- Anh **Dương Đình H** – Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn H, xã I, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

- Ông **Dương Mạnh T2** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 25 phút ngày 04-01-2018 tại khu vực ngã ba thị trấn M, huyện D, tỉnh Hà Giang (*đường rẽ đi Quang Bình*). Nguyễn Văn T - sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 05, thị trấn nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang có hành vi mua 02 gói ma túy của 01 đối tượng tên S (*không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) với giá 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, T đã sử dụng một phần số ma túy đã mua. Số ma túy còn lại 0,543 gam ma túy (*Heroine*) T để dưới đệm trong buồng tại nhà ở của ông Dương Mạnh T2 (*T ở nhờ*). Khoảng 16 giờ ngày 04-01-2018 Nguyễn Quốc C và Nguyễn Văn T1 đến hỏi T bán cho chất ma túy sử dụng với số tiền 500.000đ, khi T đang bán chất ma túy cho C, T1 thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang cùng vật chứng.

Sau khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A tiến hành khám xét nơi ở của T. Quá trình khám xét đã thu giữ 01 gói ma túy (*Heroine*) có trọng lượng 0,098 gam. Quá trình điều tra T khai nhận tháng 12 năm 2017 T mua của 01 đối tượng không rõ nhân thân lai lịch tại thị trấn M, huyện D với mục đích để sử dụng. Do chưa sử dụng hết nên tại đã cất giấu tại buồng ngủ của mình khi nào có nhu cầu T tiếp tục sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của T chưa đủ khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy cơ quan Công an huyện A đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33 ngày 30-5-2018 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (BL số 178).

Ngày 07-01-2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành Trưng cầu giám định: 01 gói ni lông chất bột màu trắng được niêm phong ký hiệu NT1 và 01 gói giấy chất bột màu trắng được niêm phong ký hiệu NT2

có phải là chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép ma túy không? Loại chất ma túy gì, tiền chất gì? Trọng lượng (*khối lượng*) là bao nhiêu (BL số 69).

Tại Kết luận giám định số 127/KL-PC54, ngày 16-01-2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Phong bì ký hiệu NT1: Mẫu chất bột màu trắng đựng trong túi nilon gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,543 gam, loại Heroine.

- Phong bì ký hiệu NT2: Mẫu chất bột màu trắng đựng trong gói giấy gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,098 gam, loại Heroine.

Tổng trọng lượng của 02 gói ma túy (loại Heroine) là 0,641 gam (*không phải sáu trăm bốn mươi một gam*) (BL số 87).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 02 gói ma túy có trọng lượng là 0,641 gam (*còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định là 0,51 gam được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng*);

- 4.250.000đ (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

- 01 cặp sách màu đen;

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng, dài 23cm;

- 01 túi nilon màu trắng có nhiều chữ nước ngoài, bên trong đựng 16 ống nhựa, loại ống hút nước, dài ngắn nhiều loại khác nhau.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản kiểm bắt người phạm tội quả tang ngày 04-01-2018 và biên bản khám xét ngày ngày 04-01-2018*). (Toàn bộ vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện A để quản lý theo quy định).

Ngày 11-01-2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã tiến hành trưng cầu giám định số tiền 4.250.000đ (*Bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) là tiền thật, hay tiền giả (BL số 73).

Tại Kết luận giám định số 49/KL-PC54 ngày 24-01-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Toàn bộ số tiền gửi giám định đều là tiền thật (BL số 79).

Tại cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 01 giờ 25 phút ngày 04-01-2018, tại khu vực ngã ba thị trấn M, huyện D, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi mua 02 gói ma túy của 01 đối tượng tên là S với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T đã sử dụng một phần số ma túy đã mua. Số ma túy còn lại là 0,543 gam ma túy (*Heroine*), bị cáo T để dưới đệm trong buồng tại nhà ở của ông Dương Mạnh T1 (T ở nhờ). Khoảng 16 giờ ngày 04-01-2018, T đang bán ma túy cho Nguyễn Quốc C và Nguyễn Văn T2 với số tiền 500.000đ thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Bị cáo T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Người có quyền lợi liên quan trình bày: Chị Dương Thị P có ý kiến số tiền 3.600.000đ là số tiền của chị Dương Thị P, đã nhờ con đẻ là T mang đi trả nợ nhưng chưa trả đã bị tịch thu, đề nghị cho xin lại số tiền vì hoàn cảnh đang ốm đau nằm viện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 26 tháng đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 04-01-2018.

Về vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy hàng cấm, vật dụng không còn giá trị sử dụng gồm:

- 02 gói ma túy có trọng lượng là 0,641 gam (còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định là 0,51 gam được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng);
- 01 cặp sách màu đen; 01 con dao bằng kim loại màu trắng, dài 23cm;
- 01 túi nilon màu trắng có nhiều chữ nước ngoài, bên trong đựng 16 ống nhựa, loại ống hút nước, dài ngắn nhiều loại khác nhau.

Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:

- 500.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền dùng vào việc phạm tội.

Trả lại số tiền là tài sản riêng:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 150.000đ.

Trả cho chị Dương Thị P – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang số tiền 3.600.000đ.

(Theo biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 27-6-2018).

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phần tranh luận: Bị cáo T nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, không có ý kiến khác.

Bị cáo T thực hiện quyền nói lời sau cùng: Đề nghị xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo T khai nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp bắt tạm giam đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận vào khoảng 01 giờ 25 phút ngày 04-01-2018 tại khu vực ngã ba thị trấn M, huyện D, bị cáo T có hành vi mua 02 gói ma túy của 01 đối tượng tên S (*không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) với giá 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, T đã sử dụng một phần số ma túy đã mua. Số ma túy còn lại 0,543_gam ma túy (*Heroin*) T để dưới đệm trong buồng tại nhà ở của ông Dương Mạnh T1 (*T ở nhờ*). Khoảng 16 giờ ngày 04-01-2018 T đang bán ma túy cho Nguyễn Quốc C và Nguyễn Văn T2 với giá 500.000đ thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Lời nhận tội của bị cáo T trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp kết luận giám định vật chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo T là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T mua bán trái phép chất ma túy, sau khi sử dụng một phần còn lại 0,543 gam ma túy (loại *Heroin*) mang bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy kiếm lời sử dụng cá nhân. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Điều luật quy định: Theo khoản 1, khoản 5 Điều 251 BLHS.

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2....

Khoản 5: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Hành vi phạm tội của bị cáo T mua bán trái phép chất ma túy đã xâm phạm sự quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc, vì chất ma túy là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Từ đó phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội khác như cướp giết, trộm cắp, lây truyền dịch bệnh HIV/AIDS là rất nguy hiểm cho xã hội nói chung và trên địa bàn huyện A, tỉnh Hà Giang nói riêng. Do vậy HĐXX xét thấy cần thiết lên mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra để giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Theo khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T không có công việc làm và thu nhập ổn định. HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 251 BLHS.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T có 03 tiền án:

Bản án số: 18/2013/HSST ngày 10-9-2013, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số: 30/2013/HSST ngày 11-12-2013, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 18/2013/HSST ngày 10-9-2013 của Tòa án nhân dân huyện A, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 22 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích.

Bản án số: 22/2017/HSST Ngày 08-6-2017, bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp có giá trị 1.800.000đ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích, đã không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội là tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải có 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy hàng cấm, vật dụng không còn giá trị sử dụng gồm:

- 02 gói ma túy có trọng lượng là 0,51 gam (còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng);
- 01 cặp sách màu đen; 01 con dao bằng kim loại màu trắng, dài 23cm;
- 01 túi nilon màu trắng có nhiều chữ nước ngoài, bên trong đựng 16 ống nhựa, loại ống hút nước, dài ngắn nhiều loại khác nhau.

Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:

- 500.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) dùng vào việc phạm tội.

Trả lại số tiền là tài sản riêng:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 150.000đ. (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho chị Dương Thị P – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) đưa cho bị cáo T trả nợ đã bị thu giữ.

(Theo biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 27-6-2018).

Theo điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,098 gam, loại Heroine, của Nguyễn Văn T chưa đủ khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy cơ quan Công an huyện A đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33 ngày 30-5-2018 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (BL số 178).

Đối tượng Nguyễn Quốc C và Nguyễn Văn T2 là người nghiện ma túy, hành vi góp được 500.000đ mua chất ma túy của C và T2 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện A đã ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 30, 31 ngày 30-5-2018 với mức phạt Cảnh cáo đối với Nguyễn Quốc C và Nguyễn Văn T2 (BL số 173 đến 174).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 26 (*hai mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo T bị bắt tạm giam ngày 04-01-2018.

Về vật chứng:

Áp dụng: điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

**Tịch thu tiêu hủy hàng cấm, vật dụng không còn giá trị sử dụng gồm:*

- 02 gói ma túy (loại Heroine) có trọng lượng là 0,51 gam (*còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng*);
- 01 cặp sách màu đen; 01 con dao bằng kim loại màu trắng, dài 23cm;
- 01 túi nilon màu trắng có nhiều chữ nước ngoài, bên trong đựng 16 ống nhựa, loại ống hút nước, dài ngắn nhiều loại khác nhau.

**Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:*

- 500.000đ (*năm trăm năm mươi nghìn đồngchẵn*) tiền dùng vào việc phạm tội.

**Trả lại số tiền: 150.000đ. (một trăm năm mươi nghìn đồng) cho bị cáo Nguyễn Văn T.*

**Trả lại số tiền: 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) cho chị Dương Thị P – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Nông trường B, huyện A, tỉnh Hà Giang.*

(Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 27-6-2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016

“quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-7-2018).

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Thi hành án huyện A;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Anh L

